

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12/8/2021

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ (Bán niên 2021)

(Theo mẫu phụ lục XXV của Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

Kính gửi: **Vụ Quản Lý Các Công Ty Quản Lý Quỹ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**

I. Thông tin về quỹ:

- Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Quỹ" hoặc "ENF")
Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư: ENF hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.
- Thời hạn hoạt động: thời gian hoạt động không xác định
- Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
- Chính sách phân chia lợi nhuận:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2021: 6.788.778,08 chứng chỉ quỹ.

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Căn cứ pháp lý	Căn cứ pháp lý	Dẫn chiếu những luật, nghị định, thông tư mới do căn cứ pháp luật thay đổi
2.	N/A	Định nghĩa – HOSE và HNX	Bỏ định nghĩa về HOSE và HNX vì không cần thiết và để phù hợp Luật chứng khoán mới
3.	Định nghĩa – IPO	Định nghĩa – IPO	Sửa định nghĩa để phù hợp hiện tại sau khi IPO từ năm 2014
4.	Định nghĩa – Luật chứng khoán	Định nghĩa – Luật chứng khoán	Sửa đổi nội dung định nghĩa để phù hợp Luật chứng khoán mới
5.	Định nghĩa – Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ	Định nghĩa – Phí phát hành, phí mua lại, phí dịch vụ	Sửa đổi thuật ngữ phù hợp thuật ngữ được sử dụng trong Thông tư 98
6.	Định nghĩa – Vốn điều lệ	Định nghĩa – Vốn điều lệ	Sửa đổi nội dung định nghĩa để phù hợp khoản 29, Điều 2, Thông tư 98
7.	Điều 6 – Giấy phép thành lập và hoạt động	Điều 6 – Giấy phép thành lập và hoạt động	Viết lại và chi đề cập những giấy phép liên quan trực tiếp
8.	Điều 10 khoản 3	Điều 10 khoản 3	Sửa đổi các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư để phù hợp khoản 2 Điều 35 Thông tư 98
9.	Điều 10 khoản 5	Điều 10 khoản 5	Sửa đổi nội dung về điều kiện đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp để phù hợp khoản 3 Điều 35 Thông tư 98
10.	N/A	Điều 10 khoản 6	Bãi bỏ để phù hợp Thông tư 98
11.	Điều 11 khoản 1, 2 và 3	Điều 11 khoản 1, 2, 3 và 4	Sửa đổi nội dung về hạn mức đầu tư để phù hợp khoản 4, 5, 6 Điều 35 Thông tư 98
12.	Điều 15 khoản 1, 2, 3, 4	Điều 15 khoản 1, 2	Sửa đổi toàn bộ quyền và nghĩa vụ nhà đầu tư để phù hợp Điều 16 Thông tư 98
13.	Điều 17 khoản 2	Điều 17 khoản 2	Sửa đổi tần suất giao dịch hàng tuần để phản ánh đúng thực tế kỳ giao dịch quỹ
14.	Điều 19 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6	Điều 19 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6	Sửa đổi các thuật ngữ về giá dịch vụ phù hợp thuật ngữ được sử dụng trong Thông tư 98

15.	Điều 21 khoản 2, 3, 4, 5	Điều 21 khoản 2, 3, 4, 5	Sửa đổi toàn bộ nội dung thẩm quyền, thời hạn họp, cách thức và thủ tục họp Đại hội nhà đầu tư để phù hợp khoản 1 và 2 Điều 17 Thông tư 98 và Điều lệ mẫu
16.	Điều 22 khoản 1, 2, 3	Điều 22 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Thay thế toàn bộ nội dung điều này về quyền và nghĩa vụ nhà đầu tư (vì đã được quy định tại Điều 21) bằng căn cứ, thời hạn, cách thức Đại hội nhà đầu tư bất thường để phù hợp với khoản 3 Điều 17 Thông tư 98 và Điều lệ mẫu
17.	Điều 23 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Điều 23 khoản 1, 2, 3, 4, 5	Sửa đổi toàn bộ nội dung về Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà Đầu tư để phù hợp với Điều 18 Thông tư 98 và Điều lệ mẫu
18.	Điều 24 khoản 1, 2, 3	Điều 24 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Thay thế toàn bộ nội dung điều này về quyết định của Đại hội nhà đầu tư bằng nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục, thông qua quyết định khi Đại hội nhà đầu tư được thực hiện thông qua lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản để phù hợp với khoản 6, 7 Điều 17 Thông tư 98, Điều lệ mẫu và thực tiễn thực hiện.
19.	Điều 25	Điều 25	Sửa đổi nhỏ về căn cứ dẫn chiếu
20.	Điều 26 khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3	Điều 26 khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3	Bổ sung quy định thành viên Ban đại diện quỹ không thể là người có liên quan, sửa đổi nhỏ về điều kiện có chuyên môn pháp luật và sửa đổi nhiệm kỳ từ 3 sang 5 năm để phù hợp với khoản 4, 5 Điều 19 Thông tư 98 và Điều lệ mẫu (phù hợp Luật doanh nghiệp)
21.	Điều 27	Điều 27	Bổ sung nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ, các trường hợp không được làm và quy định đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ để phù hợp với Điều 32 Điều lệ mẫu
22.	Điều 28 khoản 2, 4	Điều 28 khoản 2, 4	Bỏ thẩm quyền phê duyệt giao dịch theo thỏa thuận để phù hợp với Thông tư 98 và Điều lệ mẫu, và cập nhật điều khoản dẫn chiếu
23.	Điều 32 khoản 4, 5	Điều 32 khoản 4, 5	Sửa đổi quy định cách thức biểu quyết, tỷ lệ thông qua và hình thức nghị quyết của Ban đại diện quỹ phù hợp khoản 12

			Điều 19 Thông tư 98 và khoản 4 Điều 39 và Điều 40 Điều lệ mẫu
24.	Điều 34 khoản 1 điểm f	Điều 34 khoản 1 điểm f	Sửa đổi nhỏ về dẫn chiếu đến Luật chứng khoán về nghĩa vụ công ty quản lý quỹ
25.	Điều 37	Điều 37	Sửa đổi nhỏ về dẫn chiếu đến Luật chứng khoán về điều kiện lựa chọn ngân hàng giám sát
26.	Điều 38 khoản 1 điểm h, i, j, k, l	Điều 38 khoản 1 điểm h, i, j, k, l	Sửa đổi nhỏ về nội dung nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát để phù hợp với khoản 1 Điều 46 Điều lệ mẫu
27.	Điều 39 khoản 1, 2, 3, 4, 6	Điều 39 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6	Sắp xếp lại trình tự điều khoản, sửa đổi và bổ sung nhiều nội dung về trách nhiệm giám sát của Ngân hàng giám sát để phù hợp với khoản 2 Điều 75 Thông tư 98
28.	N/A	Điều 39 khoản 5	Bãi bỏ quy định Ngân hàng giám sát được sử dụng dịch vụ của công ty kiểm toán và tổ chức khác để phù hợp với quy định mới tại Thông tư 98 và Điều lệ mẫu
29.	Điều 44 khoản 10	Điều 44 khoản 10	Sửa đổi toàn bộ quy định về các nội dung phải báo cáo hoạt động ủy quyền để phù hợp với điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC và Điều 52 Điều lệ mẫu.
30.	Điều 46 khoản 2	Điều 46 khoản 2	Sửa thuật ngữ giấy phép sang Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ để phù hợp với khoản 1 Điều 76 Thông tư 98
31.	Điều 47 khoản 1 điểm a, b, c, d, e, f, g, h	Điều 47 khoản 1 điểm a, b, c, d, e, f, g, h	Sửa đổi nội dung về nghĩa vụ của đại lý phân phối để phù hợp với các khoản của Điều 78 Thông tư 98
32.	Điều 48 khoản 1 điểm a, b, c, d, e, f	Điều 48 khoản 1 điểm a, b, c, e, f, g	Sửa đổi nội dung về hoạt động của đại lý phân phối để phù hợp với các điểm tại khoản 1 Điều 77 Thông tư 98
33.	N/A	Điều 48 khoản 1 điểm d	Bãi bỏ hoạt động xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối để phù hợp với Điều 77 Thông tư 98
34.	Điều 49 khoản 3	Điều 49 khoản 3	Sửa đổi viện dẫn căn cứ pháp luật về kiểm toán độc lập và thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính để phù hợp với quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC

35.	Điều khoản 1, 3, 5	Điều khoản 1, 3, 5	Bổ sung số tay định giá, sửa đổi thời hạn công bố Giá trị tài sản ròng và quy định chung về công bố thông tin để phù hợp với Điều 20 Thông tư 98 và Điều 62 Điều lệ mẫu
36.	Điều 54 khoản 1, 2, 3	Điều 54 khoản 1, 2	Sửa đổi toàn bộ quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và nội dung số tay định giá để phù hợp với khoản 1, 2 Điều 20 Thông tư 98
37.	Điều 55 khoản 1	Điều 55 khoản 1	Sửa đổi nhỏ về dẫn chiếu căn cứ Giá trị tài sản ròng
38.	Điều 56 khoản 1	Điều 56 khoản 1	Sửa đổi nhỏ về thiệt hại phải bồi thường để phù hợp Điều 65 Điều lệ mẫu
39.	Điều 59 khoản 1, 2, 3	Điều 59 khoản 1, 3, 4	Sửa đổi các thuật ngữ giá dịch vụ và bổ sung chi phí chuyển đổi ngân hàng giám sát để phù hợp quy định mới của Thông tư 98 và Điều lệ mẫu
40.	N/A	Điều khoản 2	Bãi bỏ quy định về công bố thông tin tỷ lệ chi phí hoạt động và tốc độ vòng quay danh mục đầu tư để phù hợp Thông tư 98 và Thông tư 96/2020/TT-BTC
41.	Điều 64 khoản 1, 2, 3, 4	Điều 64 khoản 1, 2, 3, 4	Sửa đổi toàn bộ nội dung về nghĩa vụ công bố thông tin để phù hợp với khoản 3 Điều 79 Thông tư 98
42.	Điều 65 khoản 1, 2	Điều 65 khoản 1, 2	Sửa đổi nội dung để phù hợp với Điều 77 Điều lệ mẫu
43.	Điều 66 khoản 1, 2, 3	Điều 66 khoản 1, 2, 3	Sửa đổi nội dung về đăng ký điều lệ và hiệu lực thi hành để phù hợp với thực tế Quỹ đã IPO từ năm 2014 và việc sửa đổi Điều lệ do Đại hội nhà đầu tư thông qua.
44.	Phụ lục 1.1, 1.2 và 1.3	Phụ lục 1.1, 1.2 và 1.3	Viết lại và chi đề cập những giấy phép liên quan trực tiếp đến Giấy phép của công ty quản lý quỹ; đồng thời sửa đổi nhỏ về thuật ngữ giá dịch vụ và cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát để phù hợp với mẫu Phụ lục 1.1, 1.2 và 1.3 tại Điều lệ mẫu

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội nhà đầu tư năm tài chính 2020 được tổ chức ngày 27/4/2021 đã chấp thuận thông qua Nghị quyết Đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

Điều 1: Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ cho năm 2020 đã được Công ty TNHH KPMG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán độc lập.

Điều 2: Thông qua Điều lệ Quỹ ENF sửa đổi.

Điều 3: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ trong năm tài chính 2021

Điều 4: Phê duyệt thù lao năm 2021 cho thành viên Ban Đại diện Quỹ mỗi người là 06 triệu đồng/người/tháng và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là 09 triệu đồng/người/tháng; phê duyệt chi phí hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ là 76 triệu/năm cho năm 2021.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“thông tư 98”): Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên, năm theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Mã chỉ tiêu	30/06/2021	30/06/2020	30/06/2019
I	Tài sản	2200	-	-	-
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2201	25.207.218.865	38.206.874.453	18.524.444.601
	Tiền	2202	8.057.301.133	18.843.198.388	3.167.831.408
	Tiền gửi ngân hàng	2203	17.149.917.732	19.363.676.065	15.356.613.193
	Các khoản tương đương tiền	2204	-	-	-
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	2205	183.296.656.457	99.154.200.723	118.488.709.531
1	Cổ phiếu	2205.1	134.917.729.750	60.403.111.850	84.681.971.950
2	Trái phiếu	2205.2	-	-	-
3	Các loại chứng khoán khác	2205.3	-	-	-
4	Đầu tư khác	2205.4	48.378.926.707	38.751.088.873	33.806.737.581
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	2206	106.425.750	187.305.000	395.398.530

I.4	Lãi được nhận	2207	595.666.737	302.140.886	986.436.508
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)	2208	-	-	-
1	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	2208.1	-	-	-
2	Tiền bán trái phiếu chờ thu	2208.2	-	-	-
	...	2208.3	-	-	-
I.6	Các khoản phải thu khác	2210	-	-	-
I.7	Các tài sản khác	2211	-	-	-
I.8	Tổng tài sản	2212	209.205.967.809	137.850.521.062	138.394.989.170
II	Nợ	2213	-	-	-
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)	2214	-	-	-
1	Phải trả về mua cổ phiếu	2214.1	-	-	-
2	Phải trả về mua trái phiếu	2214.2	-	-	-
II.2	Các khoản phải trả khác	2215	1.022.318.704	8.060.347.283	612.683.439
II.3	Tổng nợ	2216	1.022.318.704	8.060.347.283	612.683.439
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.8-II.3)	2217	208.183.649.105	129.790.173.779	137.782.305.731
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	2218	6.788.778,08	6.801.305,66	7.324.359,67
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2219	30.666	19.083	18.812

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 30.666 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 18.938 đồng/CCQ

2. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư trong kỳ báo cáo:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên 2021	Bán niên 2020
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01	51.141.331.483	(4.945.974.282)
1.1. Cổ tức được chia	02	550.906.450	444.409.500
1.2. Tiền lãi được nhận	03	1.298.442.583	1.649.066.268
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	19.381.412.485	1.216.231.564

1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	29.910.569.965	(8.255.681.614)
---	----	----------------	-----------------

3. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo:

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

4. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30 tháng 6 năm

		2021	2020
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,49%	1,50%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,12%	0,10%
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,16%	0,18%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,21%	0,27%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,14%	0,18%
6	Tỷ lệ chi phí/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,30%	2,31%

5. Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Bán niên 2021	Bán niên 2020
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng	2270	60,54%	27,35%

giá trị danh mục bán ra)/(2xGiá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)			
---	--	--	--

6. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tính từ khi thành lập Quỹ 25/3/2014, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 206,66%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 16,66%.

7. Các chỉ tiêu so sánh khác:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30 tháng 6 năm	
	2021	2020
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)		
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	6.754.971,68	7.365.677,16
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	67.549.716.800	73.656.771.600
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	68.074,12	101.368,05
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	680.741.200 (34.267,72)	1.013.680.500 (665.739,55)
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)		
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(342.677.200)	(6.657.395.500)
3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)		
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	6.788.778,08	6.801.305,66
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	67.887.780.800	68.013.056.600
4 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	92,83%	92,76%

5	Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	96,79%	96,23%
6	Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	77,53%	77,38%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	156	176
8	NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	30.666	19.083

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Thị trường trong 6 tháng đầu năm 2021 có nhiều yếu tố tích cực về mặt triển vọng hồi phục hoạt động kinh doanh và dòng tiền dồi dào của nhà đầu tư cá nhân đem lại mức tăng trưởng 27.6% cho chỉ số VN-Index. Kết thúc 6 tháng năm 2021, với giá trị NAV/đơn vị Quỹ đạt 30.666 đồng, Quỹ đã mang lại mức lợi nhuận ròng 30,9% (sau khi trừ đi tất cả các loại phí) cho nhà đầu tư.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ vẫn tập trung chủ yếu vào “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa tài sản mục tiêu phù hợp”. Quỹ tập trung vào chiến lược chọn lựa cổ phiếu đầu tư là các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề ít chịu ảnh hưởng bởi đại dịch, và các ngành có tiềm năng hồi phục kinh doanh tốt sau đại dịch nhằm giới hạn đà giảm khi thị trường biến động xấu, đồng thời làm nền tảng gia tăng giá trị cho Quỹ khi thị trường hồi phục. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng phân bổ đầu tư vào cổ phiếu duy trì ở mức trung bình khoảng 60% khi nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của công ty có dấu hiệu hồi phục. Phần còn lại Quỹ đã phân bổ vào tiền gửi ngân hàng ở các kì hạn tiền gửi khác nhau nhằm giữ ổn định giá trị của Quỹ ở những thời điểm thị trường biến động và

trong bối cảnh lợi suất trái phiếu chính phủ giảm mạnh, kém hấp dẫn so với lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Với chiến lược đầu tư như trên, giá trị tài sản của Quỹ đã có mức tăng tương đối khả quan trong 6 tháng đầu năm 2021 với mức tăng NAV là 30.9% so với mức tăng 27.6% của chỉ số VN-Index.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với cuối năm 2020, tỷ trọng tài sản phân bổ vào Cổ phiếu của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng và duy trì ở mức trung bình khoảng 60% tổng giá trị tài sản Quỹ, nhằm tận dụng xu hướng tích cực của thị trường.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần C này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...:

Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì ổn định. Tăng trưởng kinh tế quý 2 năm 2021 đạt 6,61% so với cùng kỳ năm trước, phần nào do được tính trên mức tăng trưởng thấp 0,39% của Quý 2 năm 2020 và trong bối cảnh đợt dịch bùng phát từ cuối tháng 4 chưa tác động nhiều. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,11%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,28%, khu vực dịch vụ tăng 4,30%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kinh tế trong nước tăng trưởng 5,64%. Đây là mức tăng trưởng tốt so với tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020, và được đánh giá là mức tăng trưởng tích cực so với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 có nhiều diễn biến tích cực dựa trên sự hồi phục hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và dòng tiền mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân. Chỉ số VN-Index có mức tăng 27.6% trong giai đoạn này và là một trong những thị trường có mức tăng trưởng tích cực trong khu vực. Thanh khoản của thị trường chứng khoán cũng tăng mạnh so với năm 2020 với số lượng tài khoản mở mới liên tục đạt các mốc cao kỷ lục trong nhiều năm. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý 1 năm 2021 đã thể hiện sự hồi phục tốt với mức lợi nhuận tăng trưởng khoảng 80% so với cùng kỳ năm ngoái, đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng chung của thị trường chứng khoán.

Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bloomberg. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù đã được chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/6/2021, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 92,83%.
- m) Các thông tin khác (nếu có).

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: Không có
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
 - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: Không có
 - 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có
3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2020	: 6.754.971,68 CCQ
Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	: 68.074,12 CCQ
Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ	: 34.267,72 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 30/6/2021	: 6.788.778,08 CCQ
5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền:

Các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Chi tiết chi phí dịch vụ ủy quyền như sau:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chi phí hoạt động (VND)	%/Chi phí hoạt động
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4	34,388,464	1.80%
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	106,065,062	5.55%

ĐVT: đồng

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý Quỹ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ
Eastspring Investments**



